BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4.	Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	6 - 9
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 12
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 47

****

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Bất động sản và Xây dựng Trường Thành) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105167260, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chấp nhận thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 20 lần. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 20 ngày 22 tháng 9 năm 2020 về việc thay đổi tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính.

Trụ sở hoạt động
- Địa chỉ : Số 14-16, phố Hàm Long, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : 0243 63295856

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là: Kinh doanh vật liệu xây dựng và cung cấp dịch vụ xây lắp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đặng Trung Kiên	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2020
Ông Hoàng Đình Lợi	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2020
Ông Hoàng Mạnh Huy	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2020
Ông Phan Ngọc Anh Cương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2020
Ông Lê Đình Ngọc	Thành viên HĐQT độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2020
Ông Akahane Seiji	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2020
Ông Trần Tuấn Phong	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2021
Ông Mạc Quang Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2021
Bà Đào Thị Thanh Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2021
Ông Kundun Sukhumananda	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2021
Ông Thaweesak Unprasert	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2021

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đào Xuân Đức	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2020
Bà Ninh Thị Thanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2020
Bà Nguyễn Thúy Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Hoàng Mạnh Huy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2020
Ông Đặng Trần Quyết	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Hồng Thắng	Phó Tổng Giám đốc kiêm kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2020
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2021

Đại diện theo pháp luật
Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Trung Kiên – Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2020).

Ông Đặng Trung Kiên đã ủy quyền cho Ông Hoàng Mạnh Huy – Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy ủy quyền số 02/GUQ-TEG ngày 28 tháng 7 năm 2020.

Kiểm toán viên
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính
Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Hoàng Mạnh Huy
Ngày 21 tháng 3 năm 2022

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
www.a-c.com.vn

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0231/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as Baker Tilly A&C is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội

CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A & C TẠI HÀ NỘI

Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc	**Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên**
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1	*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1*

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**546.358.543.691**	**210.911.594.311**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**64.104.421.520**	**7.647.146.626**
1. Tiền	111		24.104.421.520	7.647.146.626
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**419.768.427.435**	**128.438.246.762**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	133.697.677.180	27.785.955.825
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.390.439.762	8.753.329.669
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	55.300.000.000	20.476.397.260
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	227.552.860.493	71.595.114.008
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(172.550.000)	(172.550.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**58.906.952.485**	**72.556.020.072**
1. Hàng tồn kho	141	V.7	58.906.952.485	72.556.020.072
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**3.578.742.251**	**2.270.180.851**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.458.318.649	802.524.851
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.120.423.602	1.467.656.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**678.195.308.735**	**354.080.829.586**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**231.000.000**	**231.000.000**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	231.000.000	231.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**18.653.484.548**	**24.940.168.615**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	18.204.723.654	24.342.753.173
Nguyên giá	*222*		*40.573.755.576*	*40.469.528.303*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(22.369.031.922)*	*(16.126.775.130)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	448.760.894	597.415.442
Nguyên giá	*225*		*743.272.727*	*743.272.727*
Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		*(294.511.833)*	*(145.857.285)*
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	*228*		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**4.617.492.830**	**4.525.474.845**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	4.617.492.830	4.525.474.845
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**623.225.599.867**	**288.698.019.227**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2a	19.997.377.068	178.642.313.675
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	603.821.671.910	110.087.500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(593.449.111)	(31.794.448)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**31.467.731.490**	**35.686.166.899**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	993.105.412	170.355.328
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.12	30.474.626.078	35.515.811.571
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1.224.553.852.426**	**564.992.423.897**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**306.307.191.537**	**116.449.416.308**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**235.128.082.960**	**111.918.447.799**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	46.835.301.238	42.338.286.462
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	71.545.614.731	4.508.262.862
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	17.492.904.093	1.558.782.148
4. Phải trả người lao động	314		1.189.831.436	674.344.654
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3.847.708.177	1.177.174.240
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	180.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	23.227.776.988	29.517.041.323
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	70.803.259.928	31.778.869.741
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		185.686.369	185.686.369
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**71.179.108.577**	**4.530.968.509**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	71.179.108.577	4.530.968.509
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**918.246.660.889**	**448.543.007.589**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.19**	**918.246.660.889**	**448.543.007.589**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		655.917.720.000	323.836.420.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*655.917.720.000*	*323.836.420.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.961.395.855	(231.100.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.749.698.891	36.386.117.372
- *LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*19.465.570.718*	*36.386.117.372*
- *LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*46.284.128.173*	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		192.617.846.143	88.551.570.217
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.224.553.852.426**	**564.992.423.897**

Lập, ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hoa Vy	Nguyễn Hồng Thắng	Hoàng Mạnh Huy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	01	VI.1	249.830.463.435	214.714.676.920
2.	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	10		249.830.463.435	214.714.676.920
4.	**Giá vốn hàng bán**	11	VI.2	216.648.030.393	203.457.050.058
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	20		33.182.433.042	11.257.626.862
6.	**Doanh thu hoạt động tài chính**	21	VI.3	44.387.697.985	16.549.634.464
7.	**Chi phí tài chính**	22	VI.4	30.561.529.724	2.931.273.703
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.648.264.722	2.899.479.255
8.	**Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết**	24		(49.749.620)	(110.936.051)
9.	**Chi phí bán hàng**	25	VI.5	393.542.370	594.843.658
10.	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	26	VI.6	14.425.059.114	13.342.479.695
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	30		32.140.250.199	10.827.728.219
12.	**Thu nhập khác**	31	VI.7	28.717.388.375	11.352.488
13.	**Chi phí khác**	32	VI.8	128.649.676	1.087.723.908
14.	**Lợi nhuận khác**	40		28.588.738.699	(1.076.371.420)
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	50		60.728.988.898	9.751.356.799
16.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	51		13.864.558.748	1.465.108.158
17.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**	52		-	-
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	60		46.864.430.150	8.286.248.641
19.	**Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ**	61	V.19	46.284.128.173	7.554.695.079
20.	**Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**	62	V.19	580.301.977	731.553.562
21.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	70	VI.9	1.119	222
22.	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	71	VI.9	1.119	222

Lập, ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hoa Vy	Nguyễn Hồng Thắng	Hoàng Mạnh Huy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*		*60.728.988.898*	*9.751.356.799*
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VII.1	(17.285.262.167)	10.826.560.791
- Các khoản dự phòng	03	VI.4	559.510.186	156.094.448
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(389.400.000)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(43.848.161.443)	(9.148.624.095)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3.648.264.722	2.899.479.255
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*08*		*3.413.940.196*	*14.484.867.198*
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(262.872.858.161)	53.211.539.924
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		11.996.703.951	(27.903.762.613)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		62.289.303.850	6.663.379.284
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.479.800.046)	844.282.583
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(977.730.785)	(1.989.905.380)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(4.991.841.948)	(3.080.779.166)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*		*(192.622.282.943)*	*42.229.621.830*
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	VII.2	1.674.867.061	(6.417.028.770)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	190.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.5	(64.200.000.000)	(1.626.397.260)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27.750.000.000	1.430.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	VII.3	(360.238.381.605)	(251.598.343.866)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	VII.4	179.367.194.017	199.100.966.537
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.298.902.254	373.031.869
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*		*(211.347.418.273)*	*(58.546.862.399)*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		384.883.445.855	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	133.034.400.000	28.288.675.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(57.277.536.405)	(10.699.714.103)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(213.333.340)	(213.333.336)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***460.426.976.110***	***17.375.627.561***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**56.457.274.894**	**1.058.386.992**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**7.647.146.626**	**6.588.759.634**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**64.104.421.520**	**7.647.146.626**

Lập, ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hoa Vy	Nguyễn Hồng Thắng	Hoàng Mạnh Huy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là đầu tư, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đại dịch Covid-19
Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Cấu trúc Tập đoàn
Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 07 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ (gồm 04 công ty con trực tiếp và 03 công ty con gián tiếp). Tất cả công ty con đều được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thành lập công ty con
Trong năm, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty TNHH Onsen Hội Vân 90.000.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ. Mục đích của việc tham gia góp vốn vào Công ty TNHH Onsen Hội Vân là mở rộng lĩnh vực đầu tư vào khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khoẻ và dân cư khu vực suối nước nóng Hội Vân.

Mua công ty con - Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành ("TTP")

Trong năm, Tập đoàn đã mua thêm 28.717.359 cổ phần TTP từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (Bên liên quan) với giá mua 315.890.949.000 VND (11.000 VND/cổ phần) và mua 4.500.000 cổ phần TTP từ Công ty Cổ phần Du lịch Trường Thành Island (Công ty liên kết) với giá mua 58.500.000.000 VND (13.000 VND/cổ phần). Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn sở hữu 40.561.526 cổ phần, tương đương 90,14% vốn điều lệ TTP (số đầu năm: 11.844.167 cổ phần, tương đương 26,32% vốn điều lệ). Khoản đầu tư từ công ty liên kết trở thành công ty con. Mục đích của việc mua thêm cổ phần TTP là đa dạng hoá danh mục đầu tư.

Chi tiết về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả của TTP vào ngày mua và lãi từ giao dịch mua rẻ như sau:

Tài sản	***646.089.526.313***
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.557.395
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	58.548.443.269
Trả trước cho người bán ngắn hạn	672.600.000
Phải thu ngắn hạn khác	108.314.853.000
Hàng tồn kho	1.652.363.636
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	332.423.596
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	982.991.820
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	475.484.181.910
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.144.477)
Chi phí trả trước dài hạn	1.256.164
Nợ phải trả	***(106.089.526.313)***
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	(67.867.038.077)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(303.398.971)
Chi phí phải trả ngắn hạn	(180.000.000)
Phải trả ngắn hạn khác	(1.834.556.055)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(30.518.400.000)
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại các công ty con của TTP	(5.386.133.210)
Giá trị hợp lý của tài sản thuần [(i)]	***540.000.000.000***
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	***(53.261.688.000)***
Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua (a) [(ii)]	***486.738.312.000***
Giá phí hợp nhất kinh doanh (b) [(iii)]	***458.020.953.000***
(Lãi từ giao dịch mua rẻ) [(b) – (a)]	**(28.717.359.000)**

(i) Giá trị hợp lý của tài sản thuần tăng so với giá trị sổ sách của TTP tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 là 63.860.191.910 VND, được Tập đoàn đánh giá dựa trên lợi thế từ khoản đầu tư vào TTP Phú Yên và đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

(ii) Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được xác định bằng tỷ lệ sở hữu tương ứng của Tập đoàn (90,14%) trong Giá trị hợp lý của tài sản thuần của TTP tại ngày mua (30 tháng 9 năm 2021).

(iii) Giá phí hợp nhất kinh doanh qua 2 giai đoạn, được xác định như sau:

Giá phí khoản đầu tư vào công ty liên kết, đã được điều chỉnh đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kiểm soát TTP	142.130.004.000
Giá phí khoản đầu tư bổ sung	315.890.949.000
Cộng	**458.020.953.000**

Tiền chi thuần để mua công ty con:

Trả bằng tiền	315.890.949.000
Tiền và các khoản tương đương tiền của công ty con tại ngày mua	(102.557.395)
Tiền chi thuần	**315.788.391.605**

Mua thêm vốn góp tại công ty con

Ngày 15 tháng 10 năm 2021, Tập đoàn đã mua thêm 240.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành với giá mua 4.200.000.000 VND (17.500 VND/cổ phần), tăng tỷ lệ vốn góp tại công ty con này từ 89% lên 92% từ ngày này. Giá mua thêm được thanh toán bằng tiền cho các cổ đông không kiểm soát. Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành (không bao gồm lợi thế thương mại) tại ngày mua là 121.618.317.651 VND, và giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm (3%) là 3.648.549.530 VND. Chênh lệch giữa giá mua với giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, số tiền 551.450.470 VND.

Thanh lý Công ty con

Công ty Cổ phần Điện mặt trời Trường Thành ("TTSP"): Ngày 31 tháng 3 năm 2021, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ 204.000 cổ phần TTSP (tương đương 51% vốn điều lệ) cho Ông Trần Nguyễn Anh Tuấn với giá 3.468.000.000 VND (17.000 VND/cổ phần).

Công ty Cổ phần Du lịch Trường Thành Island ("TTIS"): Ngày 06 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn chuyển nhượng 5.055.000 cổ phần TTIS (tương đương 59,47% vốn điều lệ) cho Ông Nguyễn Văn Quân với giá 75.825.000.000 VND (15.000 VND/cổ phần). Do chỉ còn nắm giữ 23,53% quyền biểu quyết nên Tập đoàn không còn kiểm soát công ty này. TTIS từ công ty con thành công ty liên kết của Tập đoàn và được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Tài sản, nợ phải trả của các công ty con tại ngày thanh lý và lãi thoái vốn như sau:

Chỉ tiêu	TTSP	TTIS	Cộng
Tài sản	***3.872.815.918***	***84.997.852.537***	***88.870.668.455***
Tiền và các khoản tương đương tiền	114.056.251	2.791.101	116.847.352
Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.000.000	-	6.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.626.397.260	-	1.626.397.260
Phải thu ngắn hạn khác	2.122.659.598	78.530.072.395	80.652.731.993
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	3.702.809	39.160.163	42.862.972
Phải thu dài hạn khác	-	3.571.724.739	3.571.724.739
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	2.854.104.139	2.854.104.139
Nợ phải trả	***(66.300.000)***	***(9.000.000)***	***(75.300.000)***
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(7.800.000)	-	(7.800.000)
Phải trả người lao động	(58.500.000)	-	(58.500.000)
Phải trả ngắn hạn khác	-	(9.000.000)	(9.000.000)
Tài sản thuần	***3.806.515.918***	***84.988.852.537***	***88.795.368.455***
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông KKS	49,00%	17,00%	
Lợi ích cổ đông KKS	***1.865.192.800***	***14.448.104.931***	***16.313.297.731***
Tài sản thuần của Tập đoàn	***1.941.323.118***	***70.540.747.606***	***72.482.070.724***
Tỷ lệ vốn chuyển nhượng	***100,00%***	***59,47%***	
Tài sản thuần chuyển nhượng	**1.941.323.118**	**50.543.370.538**	**52.484.693.656**
Giá chuyển nhượng	3.468.000.000	75.825.000.000	79.293.000.000
Lãi/(Lỗ) thoái vốn	**1.526.676.882**	**25.281.629.462**	**26.808.306.344**

Tiền thu thuần từ việc thoái vốn tại các công ty con:

	TTSP	TTIS	Cộng
Thu bằng tiền	3.468.000.000	75.825.000.000	79.293.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền tại công ty con tại ngày chuyển nhượng	(114.056.251)	(2.791.101)	(116.847.352)
Tiền thu thuần	**3.353.943.749**	**75.822.208.899**	**79.176.152.648**

6b. *Công ty con được hợp nhất*

Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động trong năm	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành	Số nhà 92 Lê Lợi, phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Công ty có doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản và lợi nhuận tăng trưởng so với năm trước.	92%	89%	92%	89%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Mỹ	Thôn Tổ Hỏa, xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Công ty có doanh thu từ bán hàng hóa, thành phẩm (bê tông) và dịch vụ xây lắp. Tổng doanh thu có tăng trưởng, tuy nhiên, lợi nhuận sụt giảm so với năm trước.	51%	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành	Số 14-16 phố Hàm Long, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Công ty không có doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Hoạt động chính trong năm là đầu tư vào các công ty con và các đơn vị khác.	90,14%	26,32%	90,14%	26,32%
Công ty TNHH Onsen Hội Vân	Số 14-16 phố Hàm Long, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Công ty đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 10/8/2021, vốn điều lệ 150 tỷ VND. Trong năm 2021, Công ty chỉ có hoạt động cho vay và tạm ứng. Công ty chưa có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, chưa phát sinh doanh thu.	60%	-	60%	-

Công ty con gián tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động trong năm	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Việt Mỹ Trung Hưng [(i)]	Thôn Đạo Khê, xã Trung Hưng, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Công ty tạm ngừng hoạt động trong năm	60%	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần TTP Phù Mỹ [(ii)]	Thôn Hòa Hội Nam, xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Công ty chỉ phát sinh hoạt động đầu tư XDCB Nhà máy Điện gió Phù Mỹ (xem Thuyết minh V.11)	82,23%	69,69%	51%	51%
Công ty Cổ phần TTP Trà Vinh [(ii)]	Số 77, đường Kiên Thị Nhẫn, Khóm 2, P.7, TP. Trà Vinh	Công ty tạm ngừng hoạt động trong năm	51%	51%	51%	51%

[(i)] Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Mỹ

[(ii)] Công ty con của Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành

6c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động trong năm	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Du lịch Trường Thành Island	Số nhà 159 Tây Sơn, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định	Công ty không phát sinh doanh thu trong năm. Hoạt động chính trong năm là thu hồi/thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn và chi tạm ứng.	23,53%	83%	23,53%	83%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 87 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 73 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tập đoàn tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí cải tạo văn phòng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian hiệu lực trên hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí cải tạo văn phòng

Chi phí cải tạo văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 6
Máy móc và thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6

8. **Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính của Tập đoàn là Phương tiện vận tải, truyền dẫn, có thời gian khấu hao là 6 năm.

9. **Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư của các lần mua được ghi nhận theo giá gốc. Công ty không đánh giá lại giá phí khoản đầu tư của những lần mua trước khi đạt được quyền kiểm soát do chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

10. **Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền
Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:
- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Tiền lãi
Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Hợp đồng xây dựng
Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:
- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15. Chi phí đi vay
Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Các khoản chi phí
Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	465.046.048	98.628.255
Tiền gửi ngân hàng	23.639.375.472	7.548.518.371
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	-
Cộng	**64.104.421.520**	**7.647.146.626**

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Trường Thành Đại Phát (i)	-	-	-	10.000.000.000	(20.191.325)	9.979.808.675
Công ty Cổ phần Du lịch Trường Thành Island (ii)	19.997.377.068	-	19.997.377.068	-	-	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (iii)	-	-	-	168.662.505.000	-	168.662.505.000
Cộng	**19.997.377.068**	**-**	**19.997.377.068**	**178.662.505.000**	**(20.191.325)**	**178.642.313.675**

Biến động khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong năm như sau:

(i) Tập đoàn đã chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần (tương đương 50% vốn điều lệ) Công ty Cổ phần Trường Thành Đại Phát cho Ông Nguyễn Thành Luân với giá chuyển nhượng 22.000.000.000 VND (22.000 VND/cổ phần), lãi chuyển nhượng 12.037.717.194 VND.

(ii) Tập đoàn đã chuyển nhượng 5.055.000 cổ phần Công ty Cổ phần Du lịch Trường Thành Island (TTIS) (tương đương 59,47% vốn điều lệ). Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn chỉ còn nắm giữ 2.000.000 cổ phần, tương đương 23,53% vốn điều lệ TTIS. TTIS từ công ty con thành công ty liên kết của Tập đoàn (xem Thuyết minh I.6).

(iii) Tập đoàn đã mua thêm cổ phần Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành. Khoản đầu tư từ công ty liên kết trở thành công ty con (xem Thuyết minh I.6).

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Giảm do chuyển nhượng	Tăng/Giảm do phân loại lại	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Trường Thành Đại Phát	9.979.808.675	(17.525.869)	(9.962.282.806)	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Trường Thành Island	-	-	-	19.997.377.068	19.997.377.068
Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành	168.662.505.000	(32.223.751)	-	(168.630.281.249)	-
Cộng	**178.642.313.675**	**(49.749.620)**	**(9.962.282.806)**	**(148.632.904.181)**	**19.997.377.068**

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được sử dụng để hợp nhất là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 do đơn vị lập, chưa được kiểm toán/soát xét độc lập.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Du lịch Trường Thành Island: Công ty không phát sinh doanh thu trong năm. Hoạt động chính trong năm là thu hồi/thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn và chi tạm ứng.

Giao dịch với các công ty liên kết

Trong năm, Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch mua 4.500.000 cổ phần Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành ("TTP") từ Công ty Cổ phần Du lịch Trường Thành Island với giá mua 58.500.000.000 VND (13.000 VND/cổ phần).

2b. *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Năng lượng Quảng Phú	40.087.500.000	-	40.087.500.000	-
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Lệ Thủy	70.000.000.000	(72.937.153)	70.000.000.000	(31.794.448)
Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding	40.249.990.000	(448.729.639)	-	-
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Kỳ Sơn (i)	98.000.000.000	(69.017.209)	-	-
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Cát Hiệp 2	27.500.000.000	(2.765.110)	-	-
Công ty Cổ phần Năng lượng và Công nghệ cao Trường Thành Quảng Ngãi	33.500.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên (ii)	294.484.181.910	-	-	-
Cộng	**603.821.671.910**	**(593.449.111)**	**110.087.500.000**	**(31.794.448)**

(i) Tại ngày hợp nhất kinh doanh, Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (Công ty con) sở hữu 12.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Điện mặt trời Kỳ Sơn, giá trị ghi sổ bằng mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Trong năm, Công ty con đã chuyển nhượng 2.200.000 cổ phần cho ông Lê Vũ Dũng theo Hợp đồng số 01/2021/HĐCN/ĐMTKS ngày 10/12/2021 với giá chuyển nhượng 11.200 đồng/cổ phần, lãi chuyển nhượng 2.640.000.000 VND.

(ii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần TTP Phú Yên (23.062.339 Cổ phần) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (Công ty con), có giá trị ghi sổ là 230.623.990.000 VND, được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất này theo Giá trị hợp lý là 294.484.181.910 VND *(xem thêm thuyết minh I.6)*.

Tỷ lệ sở hữu và tình hình hoạt động của các công ty có vốn đầu tư khác

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng CP	Tỷ lệ % sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty Cổ phần Năng lượng Quảng Phú	4.008.750	16,04%	4.008.750	16,04%
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Lệ Thủy	7.000.000	7%	7.000.000	7%
Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding	4.024.999	19,999995%	-	-
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Kỳ Sơn	9.800.000	12,25%	-	-
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Cát Hiệp 2	2.750.000	11%	-	-
Công ty Cổ phần Năng lượng và Công nghệ cao Trường Thành Quảng Ngãi	3.350.000	13,40%	-	-
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên	23.062.339	19,99%	-	-

Ngoài Công ty Cổ phần TTP Phú Yên có hoạt động kinh doanh bình thường với hoạt động chính trong năm là sản xuất và bán điện, các đơn vị còn lại đều chưa phát sinh doanh thu trong năm. Hoạt động chính của các đơn vị này trong năm là tạm ứng để thực hiện các dự án.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tất cả các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xem xét dự phòng dựa trên số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của đơn vị chưa được kiểm toán.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	31.794.448	-
Trích lập dự phòng bổ sung	559.510.186	31.794.448
Điều chỉnh dự phòng do hợp nhất kinh doanh	2.144.477	-
Số cuối năm	**593.449.111**	**31.794.448**

Kế hoạch thanh lý khoản đầu tư

Tập đoàn đã ký kết hợp đồng thỏa thuận ngày 23/11/2021 với Sermsang International Co. Ltd để bán toàn bộ 3.350.000 cổ phần Công ty Cổ phần Năng lượng và Công nghệ cao Trường Thành Quảng Ngãi. Các thủ tục chuyển nhượng dự kiến hoàn tất trước ngày 22/03/2022 *(Xem Thuyết minh V.14)*.

Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (Công ty con) nhận nợ vay từ B.Grimm Renewable Power 2 Limited theo thỏa thuận vay ngày 01/07/2020 để đổi lại quyền nhận được 3.062.400 Cổ phần của Công ty Cổ phần TTP Phú Yên. Khoản vay đã đến hạn vào ngày 01/7/2021, tuy nhiên, các bên chưa làm thủ tục gia hạn và chưa chuyển quyền sở hữu cổ phần TTP Phú Yên *(Xem Thuyết minh V.18)*.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần LIG - Hướng Hóa 1 (i)	13.000.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Anh Dũng	1.899.102.500	2.112.899.500
Công ty TNHH Thi công Hạ tầng Viglacera Yên Mỹ	3.841.946.925	
Ông Trần Kim Tuyến (ii)	58.548.443.269	-
Ông Lê Vũ Dũng (iii)	24.640.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ricons	-	2.696.746.191
Các khách hàng khác	31.768.184.486	22.976.310.134
Cộng	**133.697.677.180**	**27.785.955.825**

(i) Là khoản phải thu theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý số 1507/2020/HĐTV, thời hạn thanh toán trong 60 ngày kể từ ngày hoàn thành dịch vụ (ngày 30/12/2021). Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty Cổ phần LIG - Hướng Hóa 1 đã thanh toán toàn bộ công nợ.

(ii) Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (công ty con) phải thu ông Trần Kim Tuyến theo Hợp đồng chuyển nhượng 10.000.000 Cổ phần Công ty Cổ phần Điện mặt trời Cát Hiệp 2. Thời hạn thanh toán 90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực (ngày 30/11/2020) và được gia hạn thêm 150 ngày kể từ ngày 28/02/2021 theo Phụ lục Hợp đồng. Khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán tại 31/12/2021. Trong tháng 1/2022, Công ty con đã thu được khoản nợ này.

(iii) Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (công ty con) phải thu Ông Lê Vũ Dũng theo Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2021/HĐCN/ĐMTKS ngày 10/12/2021 về việc chuyển nhượng 2.200.000 Cổ phần Công ty Cổ phần Điện mặt trời Kỳ Sơn. Thời hạn thanh toán 90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	455.969.000	6.041.075.000
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Khôi (*)	1.152.553.098	1.152.553.098
Các nhà cung cấp khác	1.781.917.664	1.559.701.571
Cộng	**3.390.439.762**	**8.753.329.669**

(*) Là khoản ứng trước theo Hợp đồng thi công số 323/2018/HĐTC/TEC-XDK ngày 12/10/2018 về việc thi công xây dựng, cung cấp lắp đặt thiết bị gắn với công trình Nhà máy xử lý chất thải rắn tập trung huyện Đức Trọng, thời hạn hoàn thành sau 215 ngày (từ ngày 09/07/2018). Tại thời điểm lập báo cáo hợp đồng vẫn chưa hoàn thành do chưa nghiệm thu công việc hoàn thành với nhà thầu.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay các bên liên quan	-	***20.476.397.260***
Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Thành Phú Yên (lãi suất 0%/năm)	-	280.000.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trường Thành Việt Nam (lãi suất 7%/năm)	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (lãi suất 10%/năm)	-	1.626.397.260
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (lãi suất 11%/năm)	-	13.570.000.000

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay các tổ chức và cá nhân khác	***55.300.000.000***	-
Ông Nguyễn Văn Quân (i)	5.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Thăng Long (ii)	50.000.000.000	-
Cộng	**55.300.000.000**	**20.476.397.260**

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành (Công ty con) cho vay Ông Nguyễn Văn Quân theo hợp đồng vay vốn số 0207/2021/HDVV/108TT-TTVN ngày 02/7/2021, tổng số tiền vay 7.500.000.000 VND trong thời hạn 12 tháng, lãi suất 5%/năm thanh toán hàng tháng. Đến ngày 31/12/2021, Ông Nguyễn Văn Quân đã hoàn trả 2.200.000.000 VND trong tổng số tiền vay.

(ii) Công ty TNHH Onsen Hội Vân (Công ty con) cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Thăng Long (thành viên góp vốn của Công ty con) vay theo Hợp đồng vay vốn số 0812/2021/HDVV/ONSEN-DDTL ngày 08/12/2021 với lãi suất 3%/năm, thời hạn vay 3 tháng kể từ ngày giải ngân.

6. Phải thu khác

6a. *Phải thu ngắn hạn khác*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	***108.406.934.869***		***4.924.741.968***	
Ông Đặng Trần Quyết- Tạm ứng	180.250.000		2.772.650.000	
Bà Đặng Thị Phương Hoa - Tạm ứng (i)	98.549.000.000		-	
Ông Lê Đình Ngọc - Tạm ứng	5.100.000.000		-	
Bà Đào Thị Thanh Hiền - Tạm ứng	3.575.000.000		-	
Ông Đặng Trung Kiên - Tạm ứng	1.000.000.000		-	
Ông Nguyễn Hồng Thắng - Tạm ứng	2.684.869		-	
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trường Thành Việt Nam - Phải thu tiền lãi cho vay	-		418.082.192	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam - Phải thu tiền lãi cho vay	-		1.734.009.776	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	***119.145.925.624***		***66.670.372.040***	
Ông Trần Kim Tuyến – Phải thu chuyển nhượng cổ phần Nam Minh	-		10.060.000.000	
Tiền lãi cho vay	247.551.370		-	
Ký cược, ký quỹ	447.565.851		4.009.290.590	
Tạm ứng	118.383.604.287		52.533.947.257	
Ông Trần Trọng Lý (ii)	*35.000.000.000*		*395.238.320*	
Ông Nguyễn Thành Luân (ii)	*44.490.000.000*		-	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	-		*7.200.000.000*	
Ông Trần Quốc Triệu	*4.808.085.512*		*4.828.700.000*	
Bà Đào Thị Hồng Hạnh	-		*19.642.436.395*	
Ông Nguyễn Văn Chung	-		*3.000.000.000*	
Ông Lê Xuân Vịnh (iii)	*27.393.800.000*		*12.218.400.000*	
Bà Nguyễn Thị Huệ	*4.560.000.000*		*4.560.000.000*	
Các cá nhân khác	*2.131.718.775*		*689.172.542*	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	67.204.116		67.134.193	
Cộng	**227.552.860.493**		**71.595.114.008**	

(i) Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (công ty con) tạm ứng cho Bà Đặng Thị Phương Hoa theo Nghị quyết số 20.11a/2020/BB-HĐQT ngày 20/11/2020 để thực hiện triển khai dự án Nhà máy Điện mặt trời Kỳ Sơn và Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐQT ngày 22/9/2021 để thực hiện triển khai dự án Nhà máy Điện gió Trường Thành.

(ii) Công ty TNHH Onsen Hội Vân (công ty con) tạm ứng cho các cá nhân để thực hiện dự án khu du lịch nghỉ dưỡng chăm sóc sức khỏe và dân cư khu vực suối nước nóng Hội Vân theo Nghị quyết HĐTV số 01/NQ-HDTV ngày 08/12/2021.

(iii) Công ty Cổ phần Việt Mỹ Trung Hưng (công ty con gián tiếp) tạm ứng cho Ông Lê Xuân Vịnh theo Nghị quyết số 208/2018/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 8 năm 2018 và Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 10 năm 2021 để phục vụ hoạt động bồi thường giải phóng mặt bằng cho dự án "Nhà máy sản xuất linh kiện điện, điện tử".

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.301.959.159	-	20.320.797.891	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	49.604.993.326	-	41.682.636.285	-
Dự án Dự án thi công tuyến đường dây 110KV Xã Cát Hiệp	*1.439.378.575*	-	*1.246.654.030*	-
Dự án Khu nhà ở Nông thôn kết hợp Thương mại Dịch vụ Nghĩa An (*)	*43.790.190.665*	-	*37.316.319.688*	-
Dự án Khu đô thị và Du lịch cao cấp Trà Cổ	*4.375.424.086*	-	*3.119.662.567*	-
Hàng hóa bất động sản	-	-	10.552.585.896	-
Cộng	**58.906.952.485**	**-**	**72.556.020.072**	**-**

(*) Là chi phí xây dựng dở dang Dự án Khu nhà ở Nông thôn kết hợp Thương mại dịch vụ Nghĩa An. Dự án có tổng mức đầu tư là 250.000.000.000 VND, Công ty đang tiến hành thực hiện đầu tư xây dựng giai đoạn 2.

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	481.303.464	89.154.702
Chi phí công cụ dụng cụ	87.182.041	86.292.849
Chi phí sửa chữa	667.783.806	292.598.635
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	222.049.338	334.478.665
Cộng	**1.458.318.649**	**802.524.851**

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	375.943.161	124.630.052
Chi phí cải tạo văn phòng	-	19.019.250
Các chi phí trả trước dài hạn khác	617.162.251	26.706.026
Cộng	**993.105.412**	**170.355.328**

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	2.284.686.942	5.020.872.728	33.163.968.633	-	40.469.528.303
Mua trong năm	-	-	-	104.227.273	104.227.273
Số cuối năm	**2.284.686.942**	**5.020.872.728**	**33.163.968.633**	**104.227.273**	**40.573.755.576**
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng					
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.404.257.177	1.757.462.184	12.965.055.769	-	16.126.775.130
Khấu hao trong năm	438.127.824	751.854.494	5.048.991.491	3.282.983	6.242.256.792
Số cuối năm	**1.842.385.001**	**2.509.316.678**	**18.014.047.260**	**3.282.983**	**22.369.031.922**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	880.429.765	3.263.410.544	20.198.912.864	-	24.342.753.173
Số cuối năm	**442.301.941**	**2.511.556.050**	**15.149.921.373**	**100.944.290**	**18.204.723.654**
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 18.086.322.289 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng .

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính là Phương tiện vận tải, truyền dẫn. Chi tiết số phát sinh như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	743.272.727	(145.857.285)	597.415.442
Khấu hao trong năm	-	(148.654.548)	(148.654.548)
Số cuối năm	**743.272.727**	**(294.511.833)**	**448.760.894**

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Tăng do mua Công ty con	Giảm do thanh lý Công ty con	Số cuối năm
Dự án cụm công nghiệp Cát Hiệp [(i)]	1.904.865.252	-		-	1.904.865.252
Nhà máy Điện mặt trời Ninh Tân [(ii)]	-	-	350.884.546	-	350.884.546
Nhà máy Điện gió Phù Mỹ [(iii)]	-	1.691.380.001		-	1.691.380.001
Nhà máy Điện gió Trà Vinh [(iv)]	-	-	613.636.364	-	613.636.364
Dự án Khu du lịch biển Casa Marina Island	2.620.609.593	233.494.546		(2.854.104.139)	-
Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng Hội Vân [(v)]	-	38.255.757	18.470.910	-	56.726.667
Cộng	**4.525.474.845**	**1.963.130.304**	**982.991.820**	**(2.854.104.139)**	**4.617.492.830**

(i) Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang dự án cụm công nghiệp Cát Hiệp, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Tổng mức đầu tư dự kiến là 410 tỷ đồng. Dự án đang trong giai đoạn đền bù giải phóng mặt bằng. Trong năm, Tập đoàn không phát sinh thêm các chi phí dự án này, do đang trong thời gian chờ thực hiện các thủ tục cần thiết để khởi công dự án.

(ii) Là chi phí đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Điện mặt trời Ninh Tân tại xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa do Công ty làm chủ đầu tư. Tổng mức đầu tư dự kiến là 617 tỷ VND. Hiện tại, các chi phí đã phát sinh gồm: Chi phí khảo sát địa hình và chi phí tư vấn lập hồ sơ dự án.

(iii) Là chi phí đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Điện gió Phù Mỹ tại thôn Hội Nam, xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Tổng mức đầu tư dự kiến là 4.994 tỷ VND. Hiện tại các chi phí đã phát sinh gồm: khảo sát, thiết kế cung cấp thiết bị, xây lắp và vận hành trụ đo gió.

(iv) Là chi phí đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Điện gió V4-1, V4-2, V4-3 tỉnh Trà Vinh. Hiện tại chi phí phát sinh là chi phí Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

(v) Là chi phí đầu tư xây dựng dự án khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dân cư khu vực suối nước nóng Hội Vân tại xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định do Công ty làm chủ đầu tư. Dự án đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định chấp thuận chủ trương đầu tư theo quyết định số 4622/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 với tổng mức đầu tư dự kiến là 726.911.000.000 VND, tiến độ thực hiện của dự án dự kiến từ Quý 4/2021 đến Quý 4/2026. Hiện tại, chi phí đã phát sinh là chi phí lương nhân viên của Ban quản lý dự án.

12. Lợi thế thương mại

	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Mỹ	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	45.230.959.621	5.180.895.306	50.411.854.927
Số cuối năm	**45.230.959.621**	**5.180.895.306**	**50.411.854.927**
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	13.946.212.550	949.830.806	14.896.043.356
Phân bổ trong năm	4.523.095.962	518.089.531	5.041.185.493
Số cuối năm	**18.469.308.512**	**1.467.920.337**	**19.937.228.849**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	31.284.747.071	4.231.064.500	35.515.811.571
Số cuối năm	**26.761.651.109**	**3.712.974.969**	**30.474.626.078**

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	***1.632.948.964***	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Việt Mỹ Group	1.368.948.964	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	264.000.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	***45.202.352.274***	***42.338.286.462***
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thuận Hải	25.374.102.000	22.595.694.800
Các nhà cung cấp khác	19.828.250.274	19.742.591.662
Cộng	**46.835.301.238**	**42.338.286.462**

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần BCG Trường Thành	1.249.274.250	1.249.274.250
Công ty TNHH Sun Fat Việt Nam	-	1.200.000.000
Sermsang International Co. Ltd (*)	68.131.041.369	
Các khách hàng khác	2.165.299.112	2.058.988.612
Cộng	**71.545.614.731**	**4.508.262.862**

(*) Là khoản ứng trước để mua toàn bộ 3.350.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Năng Lượng và Công Nghệ Cao Trường Thành Quảng Ngãi theo hợp đồng thỏa thuận ngày 23/11/2021. Các thủ tục chuyển nhượng dự kiến hoàn tất trước ngày 22/03/2022.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm (*)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Giảm do thanh lý Công ty con	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	246.187.714	4.660.208.421	(1.335.000.754)	-	-	3.571.395.381
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.210.037.011	13.864.558.748	(4.991.841.948)	303.398.971	-	13.789.972.275
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	14.515.186	-	-	-	-	14.515.186
Thuế thu nhập cá nhân	82.745.078	226.675.756	(198.610.428)	-	(7.800.000)	103.010.406
Các loại thuế khác	5.297.159	20.713.686	(47.108.804)	-	-	14.010.845
Cộng	**1.558.782.148**	**18.772.156.611**	**(6.572.561.934)**	**303.398.971**	**(7.800.000)**	**17.492.904.093**

(*) Tập đoàn đã trình bày lại số dư đầu năm của thuế GTGT hàng bán nội địa và thuế thu nhập doanh nghiệp, do năm 2020 trình bày nhầm số đã nộp thuế GTGT hàng bán nội địa và thuế thu nhập doanh nghiệp, số tiền 200.000.000 VND.

Thuế giá trị gia tăng
Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp
Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.
Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản
Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Thuế bảo vệ môi trường
Tập đoàn phải nộp thuế bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác cát với mức là: 3.300 VND/m3 x sản lượng.

Các loại thuế khác
Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	3.585.248.749	914.714.812
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn thành phẩm bất động sản đã bán	262.459.428	262.459.428
Cộng	**3.847.708.177**	**1.177.174.240**

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	***175.479.445***	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trường Thành Việt Nam - Tiền chuyển thừa	175.479.445	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	***23.418.304.011***	***29.517.041.323***
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Thăng Long (i)	3.000.000.000	1.000.000.000
Ông Hoàng Văn Dũng - Phải trả tiền nhận đặt cọc (ii)	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đất Xanh Đà Nẵng - Đặt cọc thực hiện hợp đồng	-	28.427.265.000
Kinh phí công đoàn	45.203.623	59.235.323
Phải trả ngắn hạn khác	7.093.920	30.541.000
Cộng	**23.227.776.988**	**29.517.041.323**

(i) Bao gồm: (i) Góp vốn với Công ty mẹ theo Thỏa thuận liên danh số 2604/2021/TEG-DDTL ngày 26 tháng 4 năm 2021 để cùng thực hiện Dự án "Khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dân cư khu vực suối nước nóng Hội Vân", số tiền 1.000.000.000 VND; và (ii) Chuyển tiền góp vốn thừa tại Công ty TNHH Onsen Hội Vân (Công ty con), số tiền 2.000.000.000 VND.

(ii) Khoản đặt cọc theo Thoả thuận nguyên tắc số 0112/TTNT ngày 1/12/2021 giữa Công ty mẹ (Bên B) và Ông Hoàng Văn Dũng (Bên A) về việc cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư các dự án bất động sản tiềm năng. Trong thời hạn 06 tháng, nếu Bên B hoàn tất giới thiệu và đàm phán thành công ít nhất 01 dự án bất động sản cho Bên A, khoản đặt cọc này sẽ được sử dụng để thanh toán/đặt cọc cho Bên chuyển nhượng Dự án. Trong thời hạn 01 tháng, nếu Bên B không giới thiệu và đàm phán thành công ít nhất 01 dự án bất động sản cho Bên A, Bên B sẽ hoàn trả toàn bộ tiền đặt cọc cho Bên A. Nếu giới thiệu thành công, Bên B sẽ được hưởng phí dịch vụ, tuy nhiên, mức phí cụ thể chưa được quy định trong Thỏa thuận nguyên tắc này.

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay và nợ thuê tài chính

18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn bên liên quan	***759.000.000***	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	759.000.000	-
Vay ngắn hạn tổ chức, cá nhân khác (i)	***64.804.400.000***	***17.027.834.805***
Ông Hoàng Văn Dũng (i)	600.000.000	634.293.700
Bà Lê Vân Anh (i)	-	2.179.589.050
Ông Dương Hữu Huân (i)	500.000.000	2.603.952.055
Ông Nguyễn Mạnh Hà (i)	-	500.000.000
Ông Vũ Bảo Long (i)	20.000.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Quân (i)	13.450.000.000	11.110.000.000
B.Grimm Renewable Power 2 Limited (ii)	30.254.400.000	-

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	***2.900.000.000***	***9.515.675.000***
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	6.615.675.000
Ngân hàng TMCP Á Châu (iii)	2.900.000.000	2.900.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Xem thuyết minh 18b)	***213.333.324***	***213.333.336***
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease	213.333.324	213.333.336
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh 18b)	***2.126.526.604***	***5.022.026.600***
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội	-	200.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hà Nội	1.160.276.596	3.680.776.596
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	525.000.000	700.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội	260.000.004	260.000.004
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hưng Yên	181.250.004	181.250.000
Cộng	**70.803.259.928**	**31.778.869.741**

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

(i) Các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với thời hạn 180 ngày đến 1 năm, lãi suất từ 7% - 15%/năm.

(ii) Khoản Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (Công ty con) nhận nợ vay từ B.Grimm Renewable Power 2 Limited theo thỏa thuận vay ngày 01/07/2020 để đổi lại quyền nhận được 3.062.400 Cổ phần của Công ty Cổ phần TTP Phú Yên. Tổng giá trị khoản vay là 1.320.000 USD, lãi suất vay 15%/năm từ ngày 01/07/2020 đến ngày 24/09/2020 và 5,5%/năm từ ngày 25/09/2020 đến ngày 31/12/2020, thời hạn vay 1 năm kể từ ngày nhận nợ. Khoản vay đã đến hạn vào ngày 01/7/2021, tuy nhiên, các bên chưa làm thủ tục gia hạn và chưa chuyển quyền sở hữu cổ phần TTP Phú Yên.

(iii) Khoản Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Mỹ (Công ty con) vay Ngân hàng TMCP Á Châu để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, hạn mức cho vay là 2.900.000.000 VND, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (17/09/2020), lãi suất 8%/năm, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm. Tài sản đảm bảo là căn hộ chung cư thuộc sở hữu của Bà Đào Thị Thanh Hiền.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn bên liên quan	Vay ngắn hạn tổ chức, cá nhân khác	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	-	17.027.834.805	9.515.675.000	5.022.026.600	213.333.336	31.778.869.741
Số tiền vay phát sinh trong năm	759.000.000	57.475.400.000	5.800.000.000	-	-	64.034.400.000
Tăng do Hợp nhất kinh doanh	-	30.518.400.000	-	-	-	30.518.400.000
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	-	2.126.526.604	213.333.328	2.339.859.932
CLTG do đánh giá lại cuối năm	-	(389.400.000)	-	-	-	(389.400.000)
Số tiền vay đã trả	-	(39.827.834.805)	(12.415.675.000)	(5.022.026.600)	(213.333.340)	(57.478.869.745)
Số cuối năm	**759.000.000**	**64.804.400.000**	**2.900.000.000**	**2.126.526.604**	**213.333.324**	**70.803.259.928**

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn cá nhân khác	***69.000.000.000***	***4.317.635.181***
Ông Nguyễn Văn Quân (i)	69.000.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	***2.179.108.577***	***4.317.635.181***
Ngân hàng TMCP Phương Đông (ii)	198.712.765	1.370.989.361
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iii)	1.400.000.000	1.925.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (iv)	353.833.319	613.833.323
Ngân hàng TMCP Quân đội (v)	226.562.493	407.812.497
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	***213.333.328***
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease (vi)	-	213.333.328
Cộng	**71.179.108.577**	**4.530.968.509**

(i) Công ty mẹ vay Ông Nguyễn Văn Quân theo Hợp đồng vay vốn số 02/2021/HĐVV_TEG ngày 09 tháng 12 năm 2021, thời hạn vay là 18 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 5%/năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Mỹ (Công ty con) vay các Ngân hàng và thuê tài chính, gồm:

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng ký kết năm 2017, 2018 và 2019 mục đích để thanh toán tiền mua các phương tiện vận tải, lãi suất 11,5%/năm, thời hạn vay 4 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng.

(iii) Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo các hợp đồng vay ký kết năm 2020 để thanh toán tiền mua các phương tiện vận tải, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày giải để thanh toán tiền mua ô tô tải phục vụ hoạt động sản xuất của công ty với lãi suất 9%/ năm, thời hạn vay 3 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả trong 16 kỳ (ba tháng một).

(iv) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội – Chi nhánh Hưng Yên theo các hợp đồng vay ký kết năm 2019 để thanh toán tiền mua các phương tiện vận tải, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng.

(v) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hưng Yên theo hợp đồng vay ký kết năm 2020 để mua máy xúc lật. Lãi suất tại ngày giải ngân là 8,5%/năm và được điều chỉnh tiếp theo vào các ngày 18/9, 18/12, 18/3, 18/6 hằng năm. Thời hạn vay 4 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng.

Các khoản vay trên đều được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(vi) Khoản thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng ký kết năm 2020 để mua tài sản là ô tô trộn bê tông nhãn hiệu Howo có giá trị thuê là 640.000.000 VND (đã bao gồm thuế GTGT) thời hạn thuê 36 tháng được đảm bảo bằng khoản ký cược trị giá 40.000.000 VND, lãi suất thuê được tính bằng lãi suất tiêu chuẩn VND của CILC cộng với biên độ 3.22% trên 1 năm (360 ngày), số tiền thuê và lãi thuê tài chính được thanh toán hàng tháng.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.339.859.928	5.235.359.936
Trên 1 năm đến 5 năm	2.179.108.577	4.530.968.509
Trên 5 năm	-	-
Cộng	**4.518.968.505**	**9.766.328.445**

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Nợ thuê tài chính dài hạn	Cộng
Số đầu năm	4.317.635.181	213.333.328	4.530.968.509
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(2.126.526.604)	(213.333.328)	(2.339.859.932)
Số tiền vay đã trả trong năm	(12.000.000)	-	(12.000.000)
Số cuối năm	**2.179.108.577**	**-**	**2.179.108.577**

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	323.836.420.000	(231.100.000)	28.831.422.293	73.374.342.841	425.811.085.134
Vốn góp của CĐKKS	-	-	-	14.450.000.000	14.450.000.000
Lợi ích của CĐKKS trong lợi nhuận đầu năm	-	-	-	(4.326.186)	(4.326.186)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	7.554.695.079	731.553.562	8.286.248.641
Số dư cuối năm trước	**323.836.420.000**	**(231.100.000)**	**36.386.117.372**	**88.551.570.217**	**448.543.007.589**
Số dư đầu năm nay	323.836.420.000	(231.100.000)	36.386.117.372	88.551.570.217	448.543.007.589
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	16.190.350.000	-	(16.190.350.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (ii)	215.890.950.000	-	-	-	215.890.950.000
Chào bán cổ phiếu thông qua đấu giá (iii)	100.000.000.000	6.780.970.000	-	-	106.780.970.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(2.588.474.145)	-	-	(2.588.474.145)
Giảm do thanh lý Công ty con	-	-	-	(16.313.297.731)	(16.313.297.731)
Tăng do chuyển Công ty LK thành Công ty con	-	-	(178.746.184)	58.647.821.210	58.469.075.026
Cổ đông KKS góp vốn vào Công ty con	-	-	-	64.800.000.000	64.800.000.000
Mua thêm vốn từ Cổ đông KKS *(xem Thuyết minh I.6b)*	-	-	(551.450.470)	(3.648.549.530)	(4.200.000.000)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	46.284.128.173	580.301.977	46.864.430.150
Số dư cuối năm nay	**655.917.720.000**	**3.961.395.855**	**65.749.698.891**	**192.617.846.143**	**918.246.660.889**

(i) Xem Thuyết minh V.19c.

(ii) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 29 tháng 3 năm 2021, trong năm, Công ty đã hoàn thành chào bán 21.589.095 cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu nhằm đầu tư và gia tăng sở hữu cổ phần tại Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành. Tổng số cổ phiếu phát hành thêm là 21.589.095 cổ phiếu, giá phát hành bằng mệnh giá (10.000 VND/cổ phiếu).

(iii) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 29 tháng 3 năm 2021, trong năm, Công ty đã hoàn thành chào bán 10.000.000 cổ phiếu ra công chúng thông qua đấu giá nhằm đầu tư và gia tăng sở hữu cổ phần tại Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành. Tổng số cổ phiếu đấu giá thành công là 10.000.000 cổ phiếu, số tiền thu được từ đấu giá là 106.780.970.000 VND.

19b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	65.591.772	32.383.642
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	65.591.772	32.383.642
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	65.591.772	32.383.642

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19c. Phân phối lợi nhuận

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2020 cho các cổ đông bằng cổ phiếu (5% vốn điều lệ), số lượng 1.619.182 cổ phiếu, tương đương 16.191.820.000 VND. Số lượng cổ phiếu thực tế đã phát hành để trả cổ tức là 1.619.035 cổ phiếu, tương đương 16.190.350.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	144.893.985.061	25.395.910.304
Doanh thu bán thành phẩm	69.702.942.988	70.958.213.381
Doanh thu hoạt động xây dựng	9.279.444.477	5.525.489.600
Doanh thu thiết kế - cung cấp thiết bị - thi công các công trình điện mặt trời áp mái	-	93.227.272.726
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.070.090.909	18.299.790.909
Doanh thu kinh doanh bất động sản	13.884.000.000	1.308.000.000
Cộng	**249.830.463.435**	**214.714.676.920**

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Nhơn Tân 1	-	13.318.181.818
Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Nhơn Tân 5	-	13.318.181.818
Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Sen xanh Aquila	-	13.318.181.818
Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Sen xanh Lyra	-	13.318.181.818
Công ty Cổ phần Công nghệ xanh Trường Thành	-	14.600.000.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trường Thành Việt Nam	774.236.364	-

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	132.108.418.381	23.260.586.996
Giá vốn của thành phẩm đã bán	66.352.982.972	65.685.397.606
Giá vốn của hoạt động xây dựng	7.634.043.144	4.432.892.892
Giá vốn thiết kế - cung cấp thiết bị - thi công các công trình điện mặt trời áp mái	-	92.272.727.274
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	16.451.416.698
Giá vốn kinh doanh bất động sản	10.552.585.896	1.354.028.592
Cộng	**216.648.030.393**	**203.457.050.058**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	51.867.486
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	24.527.279	5.714.062
Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	93.385.512	7.406.614.488
Lãi tiền cho vay	2.394.361.656	2.035.457.131
Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	389.400.000	-
Lãi thanh lí công ty con	26.808.306.344	-
Lãi thanh lí công ty liên kết	12.037.717.194	7.049.981.297
Lãi thanh lí các khoản đầu tư dài hạn khác	2.640.000.000	-
Cộng	**44.387.697.985**	**16.549.634.464**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.648.264.722	2.899.479.255
Lỗ do đánh giá lại giá phí khoản đầu tư trước đây vào công ty con theo giá trị hợp lý tại ngày nắm quyền kiểm soát (trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua 2 giai đoạn) (*)	26.353.754.816	-
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	559.510.186	31.794.448
Cộng	**30.561.529.724**	**2.931.273.703**

(*) Xem Thuyết minh I.6.

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	382.789.682	588.064.393
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	10.752.688	4.886.745
Các chi phí khác	-	1.892.520
Cộng	**393.542.370**	**594.843.658**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.498.628.275	4.588.042.784
Chi phí vật liệu quản lý	19.426.044	363.188.045
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.027.110.186	1.102.012.719
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	5.041.185.493	5.041.185.493
Dự phòng phải thu khó đòi	-	49.300.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	858.559.036	624.564.304
Thuế, phí và lệ phí	55.987.697	12.000.000
Các chi phí khác	1.924.162.383	1.562.186.350
Cộng	**14.425.059.114**	**13.342.479.695**

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	11.318.181
Lãi từ giao dịch mua rẻ (*Xem Thuyết minh I.6*)	28.717.359.000	-
Thu nhập khác	29.375	34.307
Cộng	**28.717.388.375**	**11.352.488**

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	77.578.468	1.031.167.592
Tiền phạt chậm nộp thuế và bảo hiểm	46.131.682	-
Hỗ trợ tu sửa trường mầm non	-	-
Chi phí khác	4.939.526	56.556.316
Cộng	**128.649.676**	**1.087.723.908**

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	46.284.128.173	7.554.695.079
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	46.284.128.173	7.554.695.079
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	41.359.042	34.002.824
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**1.119**	**222**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại, giảm từ 233 VND xuống còn 222 VND, do xác định lại số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	32.383.642	32.383.642
Ảnh hưởng của 31.589.095 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 08/10/2021	7.356.365	-
Ảnh hưởng của 1.619.035 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 8/10/2021 để trả cổ tức	1.619.035	1.619.182
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	**41.359.042**	**34.002.824**

9b. *Thông tin khác*

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.409.731.595	56.498.738.871
Chi phí nhân công	9.288.683.090	12.626.800.582
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.387.628.357	5.931.232.583
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	5.041.185.493	5.041.185.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.289.724.109	98.351.559.097
Trong đó, Chi phí thuê thầu phụ	*692.738.182*	*92.272.727.274*
Chi phí khác	1.480.381.780	5.556.904.424
Cộng	**91.897.334.424**	**184.006.421.050**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư (Mã số 02)

	Năm nay	Năm trước
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	6.242.256.792	5.785.375.298
Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính	148.654.548	-
Lãi từ giao dịch mua rẻ *(Thuyết minh I.6a)*	(28.717.359.000)	-
Phân bổ lợi thế thương mại	5.041.185.493	5.041.185.493
Cộng	**(17.285.262.167)**	**10.826.560.791**

2. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác (Mã số 21)

	Năm nay	Năm trước
Tiền chi trực tiếp để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(196.245.258)	(6.417.028.770)
Cộng (+) Số dư TSCĐ, BĐSĐT, tài sản dài hạn khác (tại ngày thanh lý) của công ty con bị thanh lý trong năm	2.854.104.139	-
Trừ đi (-) số dư TSCĐ, BĐSĐT, tài sản dài hạn khác (tại ngày mua) của công ty con được mua trong năm	(982.991.820)	-
Cộng	**1.674.867.061**	**(6.417.028.770)**

3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Mã số 25)

	Năm nay	Năm trước
Tiền chi mua thêm cổ phần 108TT	(4.200.000.000)	-
Tiền chi (thuần) mua cổ phần TTP	(315.788.391.605)	(168.662.505.000)
Tiền chi đầu tư vào Việt Mỹ Trung Hưng	-	(500.000.000)
Tiền chi đầu tư vào Công ty liên kết	-	(10.000.000.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(40.249.990.000)	(72.435.838.866)
Cộng	**(360.238.381.605)**	**(251.598.343.866)**

4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Mã số 26)

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu (thuần) thanh lý Công ty con	79.176.152.648	-
Tiền thu từ thanh lý Công ty liên kết	22.000.000.000	199.100.966.537
Tiền thu tiền bán cổ phần Nam Minh (dư nợ đầu năm)	10.060.000.000	-
Tiền thu ứng trước tiền bán cổ phần Công ty Cổ phần Năng lượng và Công nghệ cao Trường Thành Quảng Ngãi	68.131.041.369	-
Cộng	**179.367.194.017**	**199.100.966.537**

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt, Công ty chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban điều hành:

	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Đặng Trung Kiên – Tạm ứng	1.000.000.000	-
Ông Lê Đình Ngọc	5.100.000.000	-
Bà Đào Thị Thanh Hiền - Tạm ứng	3.575.000.000	-
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Hồng Thắng – Tạm ứng	10.000.000	-
Ông Đặng Trần Quyết – Tạm ứng	15.000.000	-
Cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Bà Đặng Thị Phương Hoa - Tạm ứng	98.549.000.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.6.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay			
Ông Đặng Trung Kiên - Chủ tịch HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Hoàng Đình Lợi – Phó Chủ tịch HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Phan Ngọc Anh Cương - Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Hoàng Mạnh Huy - Thành viên HĐQT /Tổng Giám đốc	-	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Đình Ngọc - Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Akahane Seiji - Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Trần Tuấn Phong- Thành viên HĐQT (từ 29/3/2021)	-	24.000.000	24.000.000
Ông Đào Xuân Đức - Trưởng BKS	-	36.000.000	36.000.000

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Bà Ninh Thị Thanh- Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thúy Quỳnh - Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Ông Đặng Trần Quyết - Phó Tổng Giám đốc	334.200.000	-	334.200.000
Ông Nguyễn Hồng Thắng - Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	65.010.000	-	65.010.000
Ông Nguyễn Quang Vinh - Phó Tổng Giám đốc (từ 1/10/2021)	82.500.000	-	82.500.000
Cộng	**481.710.000**	**300.000.000**	**781.710.000**
Năm trước			
Ông Đặng Trung Kiên - Chủ tịch HĐQT	-	85.000.000	85.000.000
Ông Hoàng Đình Lợi – Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc (đến 28/7/2020)	355.052.000	15.000.000	370.052.000
Ông Hoàng Mạnh Huy - Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc (từ 28/7/2020)	-	36.000.000	36.000.000
Ông Phan Ngọc Anh Cương - Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Đình Ngọc - Thành viên HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Ông Akahane Seiji - Thành viên HĐQT (từ 18/5/2020)	-	24.000.000	24.000.000
Ông Yasuo Kano - Thành viên HĐQT (đến 18/5/2020)	-	30.000.000	30.000.000
Bà Đào Thị Thanh Hiền - Thành viên HĐQT (đến 18/5/2020)/ Phó TGĐ (đến 10/2/2020)	-	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Hồng Thắng - Thành viên HĐQT (đến 18/5/2020)	-	12.000.000	12.000.000
Ông Đào Xuân Đức - Trưởng BKS (từ 18/5/2020)/ Phó TGĐ (đến 10/2/2020)	47.270.875	24.000.000	71.270.875
Ông Nguyễn Hoàng Giang - Trưởng BKS (đến 18/5/2020)	-	12.000.000	12.000.000
Bà Ninh Thị Thanh - Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thúy Quỳnh - Thành viên BKS (từ 18/5/2020)	-	8.000.000	8.000.000
Bà Nguyễn Phương Thảo - Thành viên BKS (đến 18/5/2020)	-	3.727.273	3.727.273
Ông Đặng Trần Quyết - Phó Tổng Giám đốc	212.150.000	-	212.150.000
Cộng	**614.472.875**	**333.727.273**	**948.200.148**

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Du lịch Trường Thành Island	Công ty liên kết (từ ngày 20/12/2021)
Công ty Cổ phần Trường Thành Đại Phát	Công ty liên kết (đến ngày 20/09/2021)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Công nghệ xanh Trường Thành	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Việt Mỹ	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Năng lượng Quảng Phú	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trường Thành Việt Nam	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Nhơn Tân 1	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Sen xanh Lyra	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Nhơn Tân 5	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Sen xanh Aquila	Có chung thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam		
Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành	315.890.949.000	110.162.505.000
Cho bên liên quan vay vốn	6.700.000.000	2.800.000.000
Vay vốn từ bên liên quan	759.000.000	
Chi phí thuê văn phòng	240.000.000	
Lãi cho vay phải thu bên liên quan	881.774.772	1.559.441.369
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trường Thành Việt Nam		
Lãi cho vay phải thu bên liên quan	437.140.418	350.958.904

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5 và V.6.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại;
- Lĩnh vực dịch vụ;
- Lĩnh vực xây dựng (là bên trung gian đi thuê thầu phụ);
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản;
- Lĩnh vực đầu tư tài chính (cho vay và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác);
- Lĩnh vực sản xuất bê tông.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực Thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực Xây dựng	Lĩnh vực kinh doanh BĐS	Lĩnh vực đầu tư tài chính (*)	Lĩnh vực sản xuất bê tông	Cộng
Năm nay							
Doanh thu thuần ra bên ngoài	144.893.985.061	12.070.090.909	9.279.444.477	13.884.000.000	72.658.905.955	69.702.942.988	322.489.369.390
Doanh thu thuần giữa các bộ phận							
Tổng doanh thu thuần	***144.893.985.061***	***12.070.090.909***	***9.279.444.477***	***13.884.000.000***	***72.658.905.955***	***69.702.942.988***	***322.489.369.390***
Chi phí bộ phận	(132.108.418.381)	-	(7.634.043.144)	(10.552.585.896)	(26.930.790.871)	(66.352.982.972)	(243.578.821.264)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	12.785.566.680	12.070.090.909	1.645.401.333	3.331.414.104	45.728.115.084	3.349.960.016	78.910.548.126
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							14.818.601.484
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							64.091.946.642
Doanh thu hoạt động tài chính khác							413.927.279
Chi phí lãi vay							(3.648.264.722)
Thu nhập khác							29.375
Chi phí khác							(128.649.676)
Chi phí thuế TNDN hiện hành							(13.864.558.748)
Lợi nhuận sau thuế TNDN							***46.864.430.150***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							***605.267.273***
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn							***10.609.346.749***
Năm trước							
Doanh thu thuần ra bên ngoài	25.395.910.304	18.299.790.909	98.752.762.326	1.308.000.000	16.543.920.402	70.958.213.381	231.258.597.322
Doanh thu thuần giữa các bộ phận							
Tổng doanh thu thuần	***25.395.910.304***	***18.299.790.909***	***98.752.762.326***	***1.308.000.000***	***16.543.920.402***	***70.958.213.381***	***231.258.597.322***
Chi phí bộ phận	(23.260.586.996)	(16.451.416.698)	(96.705.620.166)	(1.354.028.592)	(142.730.499)	(65.685.397.606)	(203.599.780.557)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.135.323.308	1.848.374.211	2.047.142.160	(46.028.592)	16.401.189.903	5.272.815.775	27.658.816.765
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(13.937.323.353)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							13.721.493.412
Doanh thu hoạt động tài chính khác							5.714.062
Chi phí lãi vay							(2.899.479.255)
Thu nhập khác							11.352.488
Chi phí khác							(1.087.723.908)

	Lĩnh vực Thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực Xây dựng	Lĩnh vực kinh doanh BĐS	Lĩnh vực đầu tư tài chính (*)	Lĩnh vực sản xuất bê tông	Cộng
Chi phí thuế TNDN hiện hành							(1.465.108.158)
Lợi nhuận sau thuế TNDN							***8.286.248.641***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							***5.740.676.182***
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn							***10.247.763.211***

(*) Đối với lĩnh vực đầu tư tài chính, doanh thu gồm cổ tức được chia, lãi thanh lý các khoản đầu tư, lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi cho vay. Chi phí trực tiếp gồm lỗ thanh lý các khoản đầu tư, trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư.

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực Thương mại	Lĩnh vực Dịch vụ	Lĩnh vực Xây dựng	Lĩnh vực kinh doanh BĐS	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Lĩnh vực sản xuất	Cộng
Số cuối năm							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	13.000.000.000	1.152.553.098	45.229.569.240	707.007.492.247	50.800.930.864	817.190.545.449
Tài sản phân bổ cho bộ phận							
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận							239.599.972.046
Tổng tài sản							***1.224.553.852.426***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				-	68.131.041.369	44.518.534.293	112.649.575.662
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận							
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận							193.657.615.875
Tổng nợ phải trả							***306.307.191.537***
Số đầu năm							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	1.152.553.098	16.593.660.896	262.012.160.689	45.634.077.168	325.392.451.851
Tài sản phân bổ cho bộ phận							
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận							239.599.972.046
Tổng tài sản							***564.992.423.897***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				-	-	42.121.116.462	42.121.116.462
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận							
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận							74.328.299.846
Tổng nợ phải trả							***116.449.416.308***

2b. **Thông tin về khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hoa Vy	Nguyễn Hồng Thắng	Hoàng Mạnh Huy